

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 18
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 45/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 15-9-2025
V/v thay đổi người trực tiếp nuôi
dưỡng con chung sau khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 18 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Đồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Phi.

2. Ông Trương Hữu Bình.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Hồ Thị Mỹ Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 100/2025/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2025 về việc “tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 156/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 29/2025/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1988 (CCCD: 074188000826); địa chỉ: Số A, khu phố T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh (địa chỉ cũ: Số A, khu phố T, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương).

- **Bị đơn:** Ông Lê Văn Q, sinh năm 1978; địa chỉ: Ấp B, xã T, Thành phố Hồ Chí Minh (địa chỉ cũ: Ấp B, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương).

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim N có mặt. Bị đơn ông Lê Văn Q đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Con chung cháu Lê Thị Ngọc T có văn bản yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn ngày 06/5/2025, quá trình tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim N trình bày:***

Bà N tranh chấp với ông Q yêu cầu được thay đổi quyền nuôi con chung tên Lê Thị Ngọc T, sinh ngày 13/4/2009 từ quyền nuôi con của ông Q theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 135/2019/QĐST-NHGD ngày 27/9/2019 của Tòa án nhân dân (TAND) huyện D, tỉnh Bình Dương sang cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng và bà N không còn trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con nữa. Đồng thời bà N không yêu cầu ông Q phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Lý do là theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 135/2019/QĐST-NHGD ngày 27/9/2019 của TAND huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương thì ông Q là người được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lê Thị Ngọc T, sinh ngày 13/4/2009 và bà N phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Tuy nhiên, từ khi có quyết định ly hôn cho đến nay con chung tên T vẫn đang sống cùng với bà N tại địa chỉ số A, khu phố T, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là số A, khu phố T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh). Cháu T không có sinh sống cùng với ông Q thời gian nào hết. Hiện nay, cháu T đang đi học tại Trường Cao Đẳng N1 có địa chỉ tại Đại lộ B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chứng cứ nguyên đơn bà N cung cấp gồm: Đơn khởi kiện tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn ngày 06/5/2025 của bà N (bản gốc); CCCD của bà N (bản sao); Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 135/2019/QĐST-NHGD ngày 27/9/2019 của TAND huyện Dầu Tiếng (bản sao); Giấy khai sinh của con chung Lê Thị Ngọc T (bản sao); Bản tự khai ngày 06/5/2025 và ngày 01/8/2025 của bà N (bản gốc); Đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt ngày 18/8/2025 của bà N (bản gốc).

**** Bị đơn ông Lê Văn Q:***

Trong suốt quá trình tố tụng để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thủ tục cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng và các tài liệu, chứng cứ theo quy định pháp luật bằng cách niêm yết công khai để báo cho ông Q biết và thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình. Tuy nhiên, ông Q vẫn vắng mặt không có lý do cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà N. Vì vậy, Tòa án không thu thập được ý kiến của ông Q.

**** Con chung cháu Lê Thị Ngọc T:***

Theo bản tự khai và đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt ngày 01/8/2025 của cháu T, cháu T có nguyện vọng được sống cùng với mẹ là bà N.

- *Chứng cứ con chung cháu T cung cấp gồm:* CCCD của cháu T (bản sao); Bản tự khai ngày 01/8/2025 và Đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt ngày 01/8/2025 của cháu T (bản gốc).

*** Kết quả xác minh của Tòa án đối với chính quyền địa phương:**

Theo biên bản xác minh ngày 22/8/2025 của Tòa án với chính quyền địa phương xã T thể hiện ông Q hiện có đăng ký thường trú tại ấp B, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương (nay là ấp B, xã T, Thành phố Hồ Chí Minh) và hiện đang sinh sống tại địa chỉ nêu trên. Ông Q thường đi làm công nhân xí nghiệp, không có mặt tại nhà thường xuyên. Từ trước đến nay, ông Q không trực tiếp nuôi dưỡng cháu T mà do bà N nuôi dưỡng.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu tại phiên tòa:**

- *Về thủ tục tố tụng:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng đầy đủ, đúng trình tự thủ tục, người tham gia tố tụng đúng thành phần. Phiên tòa được tiến hành đúng trình tự. Nguyên đơn bà N có mặt; bị đơn ông Q đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do; con chung cháu T có văn bản yêu cầu giải quyết vắng mặt nên đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn ông Q và con chung cháu T theo các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về nội dung vụ án:* Các tài liệu, chứng cứ được Hội đồng xét xử làm rõ tại phiên tòa cho thấy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà N khởi kiện ông Q về việc tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn. Theo biên bản xác minh ngày 22/8/2025 của Tòa án với chính quyền địa phương xã T thể hiện ông N có đăng ký thường trú và sinh sống tại địa chỉ ấp B, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương (nay là ấp B, xã T, Thành phố Hồ Chí Minh) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại các Điều 28, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà N có mặt; bị đơn ông Q đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do; con chung cháu T có văn bản yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Q và con chung cháu T theo các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà N:

- Bà N tranh chấp với ông Q yêu cầu được thay đổi quyền nuôi con chung cháu T từ quyền nuôi con của ông Q theo Quyết định công nhận thuận tình ly

hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 135/2019/QĐST-NHGD ngày 27/9/2019 của TAND huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương sang cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng và bà N không còn trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con nữa; Đồng thời bà N không yêu cầu ông Q phải cấp dưỡng nuôi con chung. Bà N xác định lý do, theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 135/2019/QĐST-NHGD ngày 27/9/2019 thì ông Q là người được trực tiếp nuôi dưỡng con chung cháu T và bà N phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Tuy nhiên, từ đó cho đến nay cháu T vẫn đang sống cùng với bà N tại địa chỉ số A, khu phố T, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là số A, khu phố T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh), cháu T không có sinh sống cùng với ông Q thời gian nào hết.

- Trong suốt quá trình tố tụng, Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng và các tài liệu, chứng cứ theo quy định pháp luật để báo cho ông Q biết và thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình. Tuy nhiên, ông Q vẫn vắng mặt không có lý do cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của bà N đều này thể hiện ông Q từ bỏ quyền cung cấp chứng cứ và nghĩa vụ chứng minh của mình theo quy định tại các Điều 70, 72, 91 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Theo bản tự khai và đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt ngày 01/8/2025, cháu T có nguyện vọng được sống cùng với mẹ là bà N.

- Theo biên bản xác minh ngày 22/8/2025 của Tòa án với chính quyền địa phương xã T thể hiện từ trước đến nay, ông Q không có trực tiếp nuôi dưỡng cháu T mà do bà N nuôi dưỡng.

Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà N là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận theo quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84, 85 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa là phù hợp pháp luật.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ghi nhận sự tự nguyện của bà N về việc phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 39, 147, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025.

- Căn cứ vào các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn” của bà Nguyễn Thị Kim N đối với ông Lê Văn Q.

1.1. Bà Nguyễn Thị Kim N được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lê Thị Ngọc T, sinh ngày 13/4/2009 cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Kim N về việc không yêu cầu ông Lê Văn Q phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Hai bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

1.2. Sự thay đổi về người trực tiếp nuôi dưỡng con chung và cấp dưỡng nuôi con chung này được thay thế cho phần nội dung về quyền trực tiếp nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 135/2019/QĐST-NHGD ngày 27/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

2. Án phí: Bà Nguyễn Thị Kim N tự nguyện chịu toàn bộ số tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002081 ngày 20 tháng 5 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Quyền kháng cáo:

- Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án (ngày 15/9/2025).

- Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND KV18-TP.HCM;
- Phòng THA DS KV18-TP.HCM;
- UBND phường Thuận An, TP.HCM;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

Phạm Minh Đồng